

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
NĂM 2021**

(Ngày 26 tháng 11 năm 2021)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Trịnh Quang Hưng** Ngày tháng năm sinh: 27/04/1987
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Bình Khê
- Nơi thường trú: Đồn Sơn - Yên Đức - Đông Triều - Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022087004152 ngày cấp: 06/07/2018 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Thị Hải Hà Ngày tháng năm sinh: 06/04/1990
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc: Trường THCS Trảng An
- Nơi thường trú: Đồn Sơn - Yên Đức - Đông Triều - Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022190003173 ngày cấp: 06/07/2018 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Trịnh Khánh Linh**
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/06/2014
- Nơi thường trú: Đồn Sơn - Yên Đức - Đông Triều - Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:..... ngày cấp..... nơi cấp

b) Con thứ hai:

- Họ và tên: **Trịnh Hà Anh**
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/02/2019
- Nơi thường trú: Đồn Sơn - Yên Đức - Đông Triều - Quảng Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:..... ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

- Mảnh thứ nhất:

+ Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

+ Diện tích: 170,4 m²

+ Giá trị: 250.000.000 đ

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CH 04469

- Thông tin khác (nếu có):.....

- Mảnh thứ 2:

+ Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

+ Diện tích: 173,06 m²

+ Giá trị: 270.000.000 đ

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CH 04471

- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2. Các loại đất khác: Không có

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:.....

- Diện tích:

- Giá trị:.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....

- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Trại Mới B - Bình Khê - Đông Triều - Quảng Ninh

- Loại nhà: Kiên cố

- Diện tích sử dụng: 120 m²

- Giá trị: 500.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CK 155578
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:.....
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: Giá :.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):
Không có

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:.....Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 80.000.000đ/năm
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 45.000.000đ/năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....
- Tổng các khoản thu nhập chung: 125.000.000đ/năm

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	01	500.000.000đ	- Vay thấu chi ngân hàng 100.000.000đ và tiết kiệm tiền lương
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	Không có		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			

3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không có		của 02 vợ chồng.
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không có		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không có		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	Không có		
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	Không có		
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.	Không có		
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.	80.000.000đ		

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập
Đông Triều, ngày 26 tháng 11 năm 2021
Người nhận Bản kê khai

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập
Đông Triều, ngày 26 tháng 11 năm 2021
Người kê khai tài sản

Nguyễn Thị Lan Anh
HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Quang Hưng